

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1722** /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 đối với cán bộ, công chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 978/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 về việc phê duyệt danh sách nghỉ việc đợt II năm 2025 theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ và số 1350/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ đợt III năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Y tế (Văn bản số 2027/SYT-KHTC ngày 14/5/2025); của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh (Văn bản số 208/SDTTG-VP ngày 14/5/2025); của Sở Tài chính tại các Tờ trình: Số 2286/TTr-STC ngày 19/5/2025, số 2315/TTr-STC và số 2317/TTr-STC ngày 20/5/2025 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 đối với cán bộ, công chức và người lao động nghỉ chế độ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

(Chi tiết phụ biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan về nội dung, số liệu thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, pháp lý của nội dung đề xuất; tổ chức quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo; Giám đốc Sở Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực III và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS;
- V0-V2, TH;
- Lưu: VT.TM3
- 5b. QĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nghiêm Xuân Cường

**PHỤ BIỂU 02: KINH PHÍ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO CÁC NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH: SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024
VÀ SỐ 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 ĐỐI VỚI CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh)



TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương hiện hưởng	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi đời khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí chi trả cho người nghỉ thôi việc (đồng)								Tổng số tiền trợ cấp theo Nghị quyết 178/2024/NĐ-CP (đồng)	Tổng số tiền trợ cấp (đồng)	Từ nguồn Cải Cách tiền lương của ngân sách địa phương (số sau làm tròn)	Nguồn kinh phí	Ghi chú		
						Trợ cấp trong phạm vi 12 tháng kể từ ngày có quyết định (hệ số 0,8)			Trợ cấp từ tháng 13 trở đi, kể từ ngày có quyết định (hệ số 0,4)			Trợ cấp 1,5 tháng lương hiện hưởng cho mỗi năm đóng BHXH bắt buộc							Trợ cấp 03 tháng lương hiện hưởng để tìm việc làm đối với cán bộ, công chức theo khoản 4 Điều 9 Nghị định 178(*)	
						Số tháng đóng BHXH	Hệ số	Số tiền	Số tháng đóng BHXH	Hệ số	Số tiền	Số năm đóng BHXH	Số tiền							
A	B	C	1	2	3	4	5	6=1*4*5	7	8	9=1*7*8	10	11=1*10*1,5	12=1*3 tháng	13=6*9+11+12	14	15	19		
	Tổng số							783.432.000	-	-	-	26	636.538.500	48.964.500	1.468.935.000	1.468.935.000	1.468.935.000			
I	Công chức							783.432.000	-	-	-	26	636.538.500	48.964.500	1.468.935.000	1.468.935.000	1.468.935.000			
1	Vũ Bích Thảo	Thanh tra viên, Thanh tra Sở Tài chính	16.321.500	25 năm 8 tháng	48 năm 01 tháng	60	0,8	783.432.000				-	26,0	636.538.500	48.964.500	1.468.935.000	1.468.935.000	1.468.935.000	Từ nguồn cải cách tiền lương, ngân sách tỉnh năm 2025	HSL 4,65 + PCCV 25% + PCTNTT 25%

**PHỤ BIỂU 03: KINH PHÍ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO CÁC NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ: SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024,
VÀ SỐ 67/2025/NĐ-CP NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ ĐỐI VỚI SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**
(Kèm theo Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh)



Đơn vị: đồng

ST T	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tiền lương tháng hiện hưởng	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi đời khi giải quyết định nghỉ chế độ	Thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí chi trả cho người nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP										Tổng kinh phí hỗ trợ theo theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP	kinh phí cấp bổ sung cho đơn vị (số sau làm tròn)	Nguồn kinh phí thực hiện
							Trợ cấp trong phạm vi 12 tháng kể từ ngày có quyết định			Trợ cấp cho số năm nghỉ hưu sớm (5 tháng lương hiện hưởng* số năm làm tròn)		Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc (20 năm đầu công tác) = 5 tháng lương* hệ số 1,0		Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc (từ năm thứ 21 công tác trở đi) = lương * hệ số 0,5* thời gian còn lại					
							Số tháng	Hệ số	Số tiền	Số năm (làm tròn)	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền				
A	B	D	I	2	3	4	5	6	7=5*6*1	11	12=1*11*5 tháng	13	14=1*13*5 tháng	15	16=1*15	17=7+10+12+14+16	20		
	Tổng cộng								868.725.000		361.968.750		72.393.750		65.154.375	1.368.241.875	1.368.242.000		
A	Công chức								868.725.000		361.968.750		72.393.750		65.154.375	1.368.241.875	1.368.242.000	Từ nguồn cải cách tiền lương, dự toán ngân sách tỉnh năm 2025	
I	Nguyễn Đức Lâm	Nguyễn Phó phòng Tôn giáo	14.478.750	28 năm 11 tháng	57 năm	5 năm	60	1	868.725.000	5	361.968.750	1,0	72.393.750	0,5	65.154.375	1.368.241.875	1.368.242.000		

PHỤ BIỂU 04: KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI THEO CÁC NGHỊ ĐỊNH: SỐ 178/2024/NĐ-CP VÀ SỐ 67/2025/NĐ-CP ĐỐI VỚI SỞ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp công vụ	Tiền lương tháng hiện hưởng	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi đời khi giải quyết nghỉ chế độ	Thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí chi trả cho người nghỉ hưu trước tuổi														Nguồn kinh phí thực hiện	Ghi chú	
											Trợ cấp trong phạm vi 12 tháng kể từ ngày có quyết định			Trợ cấp từ tháng 13 trở đi, kể từ ngày có quyết định			Trợ cấp cho số năm nghỉ hưu sớm (số tháng lương hiện hưởng* số năm làm tròn)		Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc (20 năm đầu công tác) = 5 tháng lương* hệ số 1,0		Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc (từ năm thứ 21 công tác trở đi) = lương* hệ số 0,5* thời gian còn lại		Kinh phí hỗ trợ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (đồng)				
											Số tháng	Hệ số	Số tiền	Số tháng	Hệ số	Số tiền	Số năm (làm tròn)	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền					
A	B	C	1	2	3	4	$S = (cột 1 + cột 3 * 1,5\%) * 1,25 * 2,3$ tính	6	7	8	9	10	$1 = cột 5 * cột 9 * cột 11$	12	13	$14 = 5 * 12 * 13$	15	$16 = 5 * 15 * số tháng hiện hưởng$	17	$18 = Cột 5 * cột 17 * 5 tháng$	19	$20 = Cột 5 * cột 19 * thời gian còn lại đóng BHXH$	$21 = 11 + 14 + 16 + 18 + 20$	22	23		
	Cộng																							1.636.903.000			
1	Luu Văn Trí	Lái xe Văn phòng	4,03		15%	25%	13.555.913	39 năm 7 tháng	59 năm 5 tháng	2 năm 4 tháng	28	1,0	379.565.550	0,50			2,5	169.448.906	1,0	67.779.563	0,5	135.559.125		752.353.000			
2	Nguyễn Thị Thủy Hải	Nhân viên phục vụ Văn phòng Sở	2,98		18%	25%	10.285.470	21 năm 9 tháng	52 năm 5 tháng	6 năm 3 tháng	54	1,0	555.415.380	-	0,50		6,5	267.422.220	1,0	51.427.350	0,5	10.285.470		884.550.000			Từ nguồn cải cách tiền lương, ngân sách tỉnh năm 2025